

2.— Đối với những người ở nông thôn có ít ruộng đất, vì tham gia công tác kháng chiến (như cán bộ, bộ đội, viên chức, v.v...), hoặc vì mất sức lao động (như già yếu, tàn tật...), hoặc vì bận làm nghề khác (buôn bán, nghề tự do, v.v...) mà phải cho phát canh hoặc thuê người làm, thì dù có quá gấp ba lần bình quân chiếm hữu của một nhân khẩu ở địa phương cũng không vạch là địa chủ, mà vạch theo nghề nghiệp hoặc thành phần cũ của họ.

Trường hợp họ có nhiều ruộng đất, nguồn sống của gia đình chủ yếu dựa vào bóc lột về ruộng đất, hoặc phần bóc lột về ruộng đất khá nhiều, nếu nông dân yêu cầu quy là địa chủ, mà được cấp trên chuẩn y thì quy là người làm nghề gì đó kiêm địa chủ.

3.— Những người chủ yếu hoặc hoàn toàn sống bằng cách cho thuê nhà, không có ruộng đất hoặc có ít ruộng đất thì không quy là địa chủ mà chỉ gọi là người có nhà cho thuê.

4.— Nghề đánh cá:

a) Những người hiếm hũu hồ ao, tự mình không tham gia lao động chủ yếu, cho thuê hồ ao hoặc thuê người đánh cá, dựa vào bóc lột hoặc thuê nhân công làm nguồn sống chính của gia đình, thì quy là địa chủ.

b) Những người không có hồ ao riêng, nhưng thuê hồ ao để bóc lột dân đánh cá, tự mình không lao động, thì nói chung không gọi là địa chủ mà gọi là chủ đầu hồ ao cá.

c) Những người có đủ thuyền lưới, v.v... tự mình tham gia lao động dựa vào nghề đánh cá làm nguồn sống chính, dù có thuê người đánh cá thì cũng vẫn gọi là dân đánh cá.

d) Những người có ít dụng cụ đánh cá, tham gia lao động đánh cá, nhưng vì dụng cụ ít không đủ làm đời sống chật vật, phải bán thêm sức lao động, hoặc làm thêm nghề phụ khác mới tạm đủ nuôi sống gia đình, thì gọi là dân đánh cá nghèo.

đ) Những người không có hoặc chỉ có rất ít dụng cụ đánh cá, hoàn toàn hoặc chủ yếu dựa vào bán sức lao động cho người khác làm nguồn sống chính của gia đình thì gọi là dân đánh cá thuê.

5.— *Tư sản*: Tư sản là người có công xưởng và thuê nhân công sản xuất; hoặc là người có nhiều vốn buôn bán, thuê người làm công để kinh doanh, lấy tiền lãi thu được làm nguồn sống. Những người đó đều gọi là nhà tư sản hoặc nhà công thương nghiệp.

6.— *Người làm nghề thủ công*: là những người có một số dụng cụ thủ công, nguyên liệu sản xuất, tự mình tham gia lao động sản xuất, chế ra đồ dùng để bán, hoàn toàn hoặc chủ yếu dựa vào sức lao động của mình làm nguồn sống. Nói chung người làm thủ công không thuê người làm. Cũng có người thuê người giúp việc hoặc người học nghề, nhưng chủ yếu vẫn là dựa vào sức lao động của mình để sản xuất.

7.— *Người làm nghề tự do*: là người dựa vào nghề nghiệp lao động trí óc hoặc dựa vào kỹ thuật riêng của

minh để sống như: thầy thuốc, luật sư, nha viên, nhà báo, nhà nghệ thuật, v.v...

8.— *Công nhân*: là người không có dụng cụ và nguyên liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư sản hoặc người làm nghề chủ động, sản xuất cho người chủ, hoàn toàn hoặc chủ yếu dựa vào tiền công của mình làm nguồn sống.

9.— *Tiểu thương*: là những người buôn bán nhỏ, có vốn hoặc có cửa hàng nhỏ, mua hàng hóa của những nhà công thương nghiệp, bán cho người tiêu dùng, không thuê nhân công và người bán hàng, nhưng cũng có khi thuê một hai người giúp việc như bán hàng, coi hàng, v.v... lấy tiền lãi làm nguồn sống.

10.— *Dân nghèo*: là những người không có hoặc chỉ có rất ít vốn và dụng cụ, hoàn toàn hoặc phần lớn chỉ dựa vào sức lao động của mình để sống, nghề nghiệp không nhất định, đời sống bấp bênh và nghèo khổ (như mò cua, câu cá, hàng xay, hàng xáo, bán hàng rong, v.v...) Những người nào xét nguồn gốc là nông dân, hoặc đã chuyển ra làm ruộng thì nên quy họ là nông dân.

11.— Đối với những người thuộc thành phần tư sản làm nghề tự do, làm nghề thủ công, tiểu thương, thì không đưa ra hội nghị quần chúng để phân định thành phần.

Những điểm trên đây bổ sung thêm vào bản điều lệ phân định thành phần giai cấp ở nông thôn cho thích hợp với tình hình thực tế ở ngoại thành.

Ngoài những điểm nêu trong bản bổ sung này thì vẫn theo các điều đã quy định trong bản điều lệ phân định thành phần giai cấp ở nông thôn mà thi hành với vùng ngoại thành.

Ban hành ngày 9 tháng 10 năm 1955.

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

THÔNG TƯ số 603-TTg ngày 14-10-1955 về việc thành lập Ủy ban Kế hoạch quốc gia.

Kính gửi: Ủy ban Kế hoạch quốc gia,

Các Bộ,

Các Ủy ban hành chính Khu và Tỉnh,

1.— Trong phiên họp ngày 8 tháng 10 vừa qua, Hội đồng Chính phủ đã quyết định thành lập Ủy ban Kế hoạch quốc gia để kế hoạch hóa công cuộc kiến thiết kinh tế và văn hóa, tổ chức và chỉ đạo công tác thống kê và kế toán trong nước.

Trong chế độ kinh tế dân chủ nhân dân của chúng ta ở miền Bắc, việc khôi phục và phát triển kinh tế và văn hóa phải dần dần kế hoạch hóa. Ủy ban Kế hoạch quốc gia sẽ thực hiện từng bước công việc kế hoạch hóa, bảo đảm việc củng cố miền Bắc. Như vậy, việc thành lập

09647202
Tel: 3845 6684
LawSoft

Ủy ban Kế hoạch quốc gia là một thắng lợi đánh dấu một bước tiến mới trong toàn bộ công tác của chúng ta.

Ở khắp các cấp, các ngành, chúng ta cần nhận thức đúng ý nghĩa quan trọng của những nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về việc kế hoạch hóa, để ra sức thực hiện đầy đủ và đúng hạn.

2.— Ngay trước mắt, các Bộ, U.B.H.C. Khu và U.B. H.C. Tỉnh cần thu thập tài liệu chính xác và dựa trên tài liệu chính xác ấy mà nghiên cứu và xác định những chỉ số cơ bản và những biện pháp cần thiết để làm kế hoạch của ngành mình, địa phương mình, rồi báo cáo lên Ủy ban Kế hoạch quốc gia đúng thời hạn mà Hội đồng Chính phủ đã quy định. Đó là một công việc trọng yếu và cấp bách. Về phương pháp cụ thể để nghiên cứu và xác định các chỉ số. Ủy ban Kế hoạch quốc gia sẽ hướng dẫn, giúp đỡ các Bộ, các Khu và các Tỉnh.

3.— Các cấp Khu, Tỉnh, Huyện phải chuẩn bị thành lập ngay Ủy ban Kế hoạch khu, tỉnh, huyện trong Ủy ban hành chính, với nhiệm vụ làm dự án kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương, tiến hành công tác thống kê ở địa phương và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ở địa phương. Ủy ban Kế hoạch quốc gia sẽ hướng dẫn, giúp đỡ các Khu và Tỉnh thành lập các Ủy ban Kế hoạch địa phương.

4.— Thời gian từ nay đến khi phải làm xong kế hoạch năm 1956 không còn nhiều nữa, chúng ta phải vừa xây dựng tổ chức, vừa tiến hành làm kế hoạch năm 1956 thì mới kịp; và lại, chỉ có trong quá trình tiến hành làm kế hoạch, mà chúng ta sẽ xây dựng từng bước tổ chức và lề lối làm việc.

Công tác kế hoạch hóa rất mới lạ đối với chúng ta, lại rất khó khăn và phức tạp. Chúng ta phải vừa làm, vừa học, nghiên cứu lý thuyết và học tập trong công tác. Ủy ban Kế hoạch quốc gia sẽ giúp đỡ các Bộ, Khu, Tỉnh và Huyện trong việc học tập này.

Tất cả chúng ta cần có ý thức đầy đủ về tầm quan trọng và tính chất khó khăn phức tạp của việc kế hoạch hóa, phải có quyết tâm và cố gắng cần thiết để vượt mọi khó khăn và làm được nhiệm vụ.

Hà-nội, ngày 14 tháng 10 năm 1955

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 616-TTg ngày 12-11-1955 *định thêm một số hàng hóa trao đổi giữa nhân dân vùng biên giới Việt-nam và Trung-hoa phải chịu thuế nhập khẩu.*

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Chiếu điều lệ quản lý Mậu dịch tiêu ngạch nhân dân trong khu vực biên giới Việt - Trung số 587-TTg ra ngày 24-9-1955;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp,

Nghị định:

Điều 1.— Nay đánh thuế nhập khẩu vào những hàng hóa sau đây trao đổi giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Trung-hoa ở khu vực biên giới:

LOẠI HÀNG	SỐ	TÊN HÀNG	THUẾ SUẤT
Sách báo và văn hóa phẩm	158	Cấp sách	25%
Đồ dùng cho đời sống hàng ngày.	166	Diêm	15%
	170	Pin đèn	10%
	171	Đồ sứ	25%

Điều 2.— Những hàng hóa kể trên nhập khẩu từ những số lượng dưới đây trở xuống thì được miễn thuế.

Cấp sách : 1 cái

Diêm : 10 bao con

Pin đèn : 1 đôi

Đồ sứ : 10 cái bát, đĩa, hoặc 1 ấm hay 1 lô chén.

Điều 3.— Ông Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 12 tháng 11 năm 1955

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

THÔNG TƯ số 622-TTg ngày 27.11.1955 về việc quản lý tiền mặt.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Kính gửi: Các Bộ và các Đoàn thể ở Trung ương, Các Ủy ban hành chính các liên khu, các khu, các tỉnh và các thành phố,

Đề tập trung tiền mặt vào Ngân hàng, giúp Ngân hàng dùng tiền ấy vào sản xuất, để điều tiết việc lưu hành tiền mặt, tránh phát hành để chi tiêu tài chính, tiền tới ổn định vật giá và củng cố giá trị tiền tệ, ngày 1-5-1952, Thủ tướng Chính phủ đã ra nghị định số 169-TTg quy định việc quản lý tiền mặt đối với các cơ quan và doanh nghiệp quốc gia.

Đến nay, nói chung, công tác quản lý tiền mặt đã thu được một số kết quả. Một số cơ quan, đoàn thể, đơn vị bộ đội và xí nghiệp quốc doanh đã chấp hành tương đối nghiêm chỉnh những nguyên tắc quy định trong nghị định số 169-TTg ngày 1-5-1952. Nhưng còn một số cơ quan, đoàn thể, đơn vị bộ đội, xí nghiệp quốc doanh chưa thi hành đầy đủ, nhất là trong việc mở tài khoản, tập trung tiền mặt vào Ngân hàng và thanh toán bằng chuyển khoản, v...

Về phần Ngân hàng, tuy có cố gắng cải tiến lề lối làm việc, nhưng nói chung vẫn còn hậm chạp, chưa đơn giản và hợp lý hóa thủ tục giấy tờ đúng mức.

Tình trạng trên đã hạn chế tác dụng và kết quả của công tác quản lý tiền mặt.